

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1140/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 07-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thành.
2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 829/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn H, cư trú tại: Tổ X, khu vực X (nay là khu vực XA), phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thu H, cư trú tại: Tổ X, khu vực XA, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Văn H trình bày:

Anh và chị Phạm Thu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q vào ngày 30-10-2009. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2012, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp. Anh đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được mà ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh đã ly thân từ lâu. Nay tình cảm, trách nhiệm không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Anh và chị H có 01 con chung là Dương Phạm Trà M (sinh ngày 02-9-2010), hiện đang sống với anh, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, anh xin nuôi cháu M và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không có khoản nợ chung nào.

* Bị đơn chị Phạm Thu H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay chị H tiếp tục vắng mặt. Tòa án đã không lấy được lời khai của chị H.

* Ý kiến của cháu Dương Phạm Trà M: Cháu có nguyện vọng được ở với cha khi cha, mẹ ly hôn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn và giao con chung cho anh H nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Dương Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Phạm Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Anh Dương Văn H và chị Phạm Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q vào ngày 30-10-2009, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa anh H và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Vợ chồng anh H, chị H đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014. Nguyên nhân là do: Chị H nhiều lần tự ý vay mượn tiền bên ngoài không trả bị chủ nợ đến nhà đòi nợ, chị H lấy vàng của vợ chồng đem bán rồi lấy vàng giả bỏ vào để lừa dối chồng. Việc này đã được chị H thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07-4-2015, khi đó anh H đã

có đơn khởi kiện ly hôn và chị H đã hứa sửa chữa để vợ chồng hàn gắn tình cảm và cùng nuôi dạy con nên người. Cho nên, Bản án sơ thẩm số 202/2015/HNGĐ-ST ngày 07-4-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. Tuy nhiên, từ đó đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị H chẳng những không được cải thiện mà còn trở nên trầm trọng hơn, thể hiện: Từ lâu nay, vợ chồng anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, như theo lời khai của anh H và kết quả xác minh tại địa phương ngày 12-9-2018. Cho nên, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, việc anh H yêu cầu giải quyết ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Dương Phạm Trà M (sinh ngày 02-9-2010). Lâu nay, cháu M ở với anh H, sức khỏe bình thường, tình cảm cha con đã gắn bó. Cháu M có nguyện vọng được ở với cha khi cha, mẹ ly hôn. Anh H cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giao cháu M cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Dương Văn H và chị Phạm Thu H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh Dương Văn H và chị Phạm Thu H có 01 con chung là Dương Phạm Trà M, sinh ngày 02-9-2010, đang ở với cha.

2.2. Giao cháu M cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn H phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng. Trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000188 ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường Đ, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh